

Hoàng Sa, Trường Sa và Công hàm ngày 14-9-1958

Tác Giả: Nhóm PV Biển Đông
Thứ Ba, 02 Tháng 8 Năm 2011 05:23

Giờ đây Trung Quốc luôn rêu rao cái gọi là họ có chủ quyền không tranh cãi đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Việc Trung Quốc diển giải nội dung Công hàm ngày 14-9-1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng như là một chủ trương cho thấy Việt Nam đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một sự phiến diện và xuyên tạc nội dung, ý nghĩa của bản Công hàm đó, hoàn toàn xa lạ với nội dung pháp lý của Việt Nam cũng như luật pháp quốc tế, bất chấp thực tế khách quan của biển cả như là một thực thể. Có thể nói, giải thích xuyên tạc Công hàm 1958 là một trong chuỗi những hành động có tính toán nhằm tước đoạt, từng bước hợp thức hóa yêu sách chủ quyền phi lý của họ đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.



Đảo Núi Le thuộc quần đảo Trường Sa

Theo lý giải của Trung Quốc, ngày 4 tháng 9 năm 1958, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đã công khai tuyên bố với quốc tế quy định rằng chính phủ Trung Quốc và hội đồng 12 hội lý kế tiếp đối lập của Trung Quốc và các đảo ngoài khơi, bao gồm các quần đảo Tây Sa và Nam Sa (tức quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam). Sau đó, ngày 14-9-1958, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) Phạm Văn Đồng gửi Công hàm cho Thủ tướng Chu Ân Lai, nguyên văn như sau:

"Thưa Đồng chí Tổng lý,

Chúng tôi xin trân trọng báo tin để Đồng chí Tổng lý rõ: Chính phủ nhân dân Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958 của Chính phủ nhân dân Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa quy định rằng hội đồng của Trung Quốc.

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quy định nhai và s cho th cho các quan Nhà nước có trách nhiệm tri t đ tôn trọng h i ph n 12 h i lý c a Trung Quốc trong m i quan h v i nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trên m t bi n. Chúng tôi xin kính g i Đ ng chí T ng lý i chào r t trân trọng”.

C n ph i th y r ng, các tuyên b nói trên c a Trung Quốc cũng nh c a VNDCCH ra đ i trong b i c nh có nhi u chuy n bi n ph c t p và c p bách đ i v i Trung Quốc v tình hình lãnh th trên bi n theo luật pháp qu c t cũng nh di n bi n căng th ng c a v n đ quân s xung quanh eo bi n Đài Loan. Năm 1956, Liên H p Qu c b t đ u ti n hành các h i ngh qu c t bàn v Luật Bi n, sau đó m t s hi p đ nh đ c ký k t vào năm 1958, tuy nhiên v n ch a làm th a mãn yêu sách v lãnh h i c a m t s qu c gia. T đ u th k XX, nhi u qu c gia đã b t đ u chú ý t i ngu n i to l n t khoáng s n và tài nguyên bi n, b c l ý đ m r ng ch quy n trên bi n. Trung Quốc, dù trong l ch s ít quan tâm đ n bi n, cũng b t đ u chú ý đ n vi c m mang, ki m tìm nh ng đ c quy n trên bi n. M c dù lúc đó ch a ph i là thành viên c a Liên H p Qu c, nh ng Trung Quốc cũng b t đ u chú ý đ n vi c lên ti ng v i c ng đ ng qu c t nh m gi i quy t các v n đ trên bi n theo h ng có i cho Trung Quốc. Trong chi n l c cho t ng lai, thì vi c c nh tranh trên bi n, cũng nh tìm ki m nh ng ngu n tài nguyên trên bi n là m t v n đ đ c Trung Quốc đ t ra. Trên th c t , cũng t đ u th k XX, Trung Quốc đã hình thành ý đ nh nhòm ngó các qu n đ o Hoàng Sa và Trường Sa c a Việt Nam. Rõ ràng, vi c nhòm ngó các qu n đ o Hoàng Sa, Trường Sa c a Việt Nam t th k XX đã n m trong chi n l c "l n sân" c a Trung Quốc v tham v ng m r ng biên gi i qu c gia trên bi n.

Ngày 26-5-1950, chi n tranh Tri u Tiên bùng n , T ng th ng Hoa K Harry S. Truman đã ra l nh cho H m đ i 7 ti n vào eo bi n Đài Loan, ngăn ch n cu c t n công c a Trung Quốc nh m vào các đ o trên eo bi n Đài Loan. V i hành đ ng này, M đã th c s b o h Đài Loan, m c cho Trung Quốc k ch li t lên án. Đ t rõ quy t tâm gi i phóng Đài Loan, ngày 3-9-1954, Trung Quốc đã t n công tr ng ph t đ i v i các hòn đ o ven bi n nh Kim Môn, Mã T . Các nhà chép s g i đây là cu c kh ng ho ng eo bi n Đài Loan l n th nh t. Ngày 11-8-1954, Th t ng Trung Quốc Chu Ân Lai tuyên b s "gi i phóng" Đài Loan, và tăng c ng pháo kích vào hai đ o Kim Môn và Mã T . Ngày 12-9-1954, Ch t ch H i đ ng Liên quân Hoa K đ a ra đ tính t n công Trung Quốc b ng vũ khí nguyên t nh ng T ng th ng Eisenhower đã do d s đ ng vũ khí nguyên t cũng nh s liên can c a quân đ i Hoa K vào cu c chi n này. Năm 1958, ti p t c x y ra cu c kh ng ho ng eo bi n Đài Loan l n th hai. Ngày 23-8-1958 Trung Quốc đ t ng t tăng c ng nã pháo vào đ o Kim Môn.

Theo Hi p đ nh Phòng th t ng h gi a Đài Loan-Hoa K , T ng th ng Eisenhower đã ra l nh cho tàu chi n Hoa K đ n b o v đ ng ti p t h u c n t đ o Đài Loan đ n 2 đ o ti n tiêu Kim Môn và Mã T .

Ngoài b i c nh "ph c t p và c p bách" đ i v i Trung Quốc nh đã nêu trên, theo Th c sĩ Hoàng

Việt (Quỹ Nghiên cứu Biên Đông), Công hàm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng ra đời trong bối cảnh quan hệ đối thù VNDCCH – Trung Quốc lúc đó "vua là đồng chí vua là anh em". Năm 1949, bối cảnh Việt Nam còn tồn công và chiếm vùng Trúc Sơn thuộc lãnh thổ Trung Quốc tay các lực lượng khác rồi trao trả lại cho Quân giải phóng Trung Quốc. Năm 1957, Trung Quốc chiếm giữ đảo Bạch Long Vĩ của Việt Nam tay một số lực lượng khác, rồi sau đó cũng trao trả cho Việt Nam. Điều này cho thấy quan hệ đối thù của hai nước VNDCCH – Trung Quốc lúc bấy giờ. Do vậy, trong tình hình lãnh thổ Trung Quốc đang bị đe dọa chia cắt, cuộc kháng chiến eo biển Đài Loan liên tục hai khiên Hạm đội quân Hoa Kỳ đưa tàu chiến vào can thiệp, vì Trung Quốc ra tuyên bố về lãnh hải bao gồm đảo Đài Loan trước hết nhằm khẳng định chủ quyền trên biển của Trung Quốc trong tình thế bị đe dọa từ eo biển Đài Loan. Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn không quên mục đích "sâu

xa" của họ trên Biển Đông nên đã "lấp ngợp" thêm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam vào biển tuyên bố. Công hàm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng xuất phát từ mối quan hệ ruột thịt đối thù với Trung Quốc trong thời điểm VNDCCH đang ruột thịt tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của các quốc gia trong khối xã hội chủ nghĩa bấy giờ và là một cách ngoại giao tối đa để thể hiện quan điểm đúng đắn của VNDCCH trong việc tôn trọng lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc trước các di sản biển quân sự phức tạp trên eo biển Đài Loan. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã phát biểu như sau: "Trung Quốc trong hoàn cảnh hết sức khó khăn trước mắt, chiếm tranh chấp leo thang, Hạm đội 7 của Mỹ đang tiến vào eo biển Đài Loan và đe dọa Trung Quốc.

Nội dung Công hàm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đề cập tới những nội dung, đối tượng là không hề có việc tuyên bố bất chấp quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bởi, hạm đội, chính Thủ tướng VNDCCH thừa hưởng quyền tuyên bố về lãnh thổ quốc gia thuộc thẩm quyền của quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội, và việc báo về toàn vẹn lãnh thổ quốc gia luôn luôn là mục tiêu hàng đầu đối với Nhà nước và nhân dân Việt Nam, nhất là trong hoàn cảnh ra đời của Công hàm như đã nêu trên. Công hàm 1958 có hai nội dung rất rõ ràng: Một là, Chính phủ VNDCCH ghi nhận và tán thành việc Trung Quốc mở rộng lãnh hải ra 12 hải lý; Hai là, Chính phủ VNDCCH chỉ thị cho các cơ quan nhà nước tôn trọng giới hạn lãnh hải 12 hải lý mà Trung Quốc tuyên bố. Trong Công hàm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng không có từ nào, câu nào đề cập đến việc lãnh thổ và chủ quyền, càng không nêu tên bất kỳ quần đảo nào như Trung Quốc đã nêu. Do vậy, chỉ xét về câu chữ trong một văn bản có tính chất ngoại giao cũng dễ dàng nhận thấy một suy diễn cho rằng Công hàm 1958 đã tuyên bố bất chấp quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và coi đó là bằng chứng khẳng định Việt Nam đã thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo này là xuyên tạc lịch sử và hoàn toàn không có cơ sở pháp lý.

Thời Hội nghị San Francisco 1951, các quốc gia tham dự đã bác bỏ yêu sách về chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Cũng tại hội nghị này, Việt Nam đã long trọng tuyên bố chủ quyền lâu đời và liên tục của mình trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong phiên họp toàn thể mà không có bất kỳ sự phản đối hay ý kiến gì khác của tất cả các quốc gia tham dự. Điều đó có nghĩa là kể từ năm 1951, cộng đồng quốc tế đã thừa nhận chủ quyền lịch sử và pháp lý của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Như vậy tuyên bố đến phiên họp về chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo này theo luật pháp quốc tế là vô hiệu. Hiệp định Genève 1954, mà Trung Quốc là một nước tham gia chính thức, cũng thừa nhận chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về người Việt Nam. Các điều khoản trong Hiệp định cũng yêu cầu các quốc gia tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng chủ

quyền đất lập, nên thuộc quyền gia và sở toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Do vậy, phải tuyên bố và chấp quyền của Trung Quốc liên quan tới hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam trong bản tuyên bố ngày 4-9-1958 và các pháp lý quốc tế đương nhiên được xem là không có hiệu lực. Trong Công hàm 1958, Thủ tướng Phạm Văn Đồng không hề đề cập đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Vì điều đó là không cần thiết, bởi theo Hiệp định Genève 1954, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm phía Nam vĩ tuyến 17 tạm thời thuộc quyền quản lý của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Trong thời điểm đó, dù góc độ tài phán quốc tế, thì Chính phủ VNDCCH không có nghĩa vụ và quyền hạn hành xử chấp quyền tới hai quần đảo này theo luật pháp quốc tế. Công hàm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng đương nhiên chỉ tán thành những tuyên bố của Trung Quốc có nội dung hợp pháp được công nhận quốc tế thừa nhận trên các luật pháp quốc tế cho đến giai đoạn đó. Một phần nội dung của bản tuyên bố ngày 4-9-1958 của Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng chấp quyền quốc gia và lãnh thổ của Việt Nam, đương thời cũng vi phạm nghiêm trọng các các pháp lý và chấp quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà công nhận quốc tế đã thừa nhận cũng như đã hiệu lực tái thừa nhận một cách minh bạch là thuộc chấp quyền của Việt Nam. Chính phủ VNDCCH trong bối cảnh quan hệ hữu nghị rút đi thù với Trung Quốc đã không đành lòng tiếp nhận ghi nhận, tán thành tuyên bố giới hạn 12 hải lý và lãnh hải của Trung Quốc, còn những nội dung chấp thu được giới hạn vượt quá phạm vi chấp quyền lãnh thổ của Trung Quốc theo các hiệp ước quốc tế đã không được chấp nhận là một sự mặc nhiên thừa nhận sự vô hiệu của nó dù ánh sáng của pháp luật quốc tế. Trong khi đó, Chính quyền VNCH, theo Hiệp định Genève 1954, đã liên tục thực thi chấp quyền lâu đời của người Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng các văn bản hành chính nhà nước cũng như bằng việc triển khai thực thi chấp quyền thực tế trên hai quần đảo này. Điều cao cả và đáng kể nhất chấp quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong giai đoạn này là trên hai chiếc thuyền quyệt liệt của Hải quân VNCH chống lại sự xâm lược của tàu chiến và máy bay Trung Quốc tới quần đảo Hoàng Sa năm 1974.

